**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019*

*của Chính phủ)*



|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam |
| Mẫu số 02 | Báo cáo tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu và sử dụng phân bón |
| Mẫu số 03 | Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam |
| Mẫu số 04 | Đơn đề nghị công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón |
| Mẫu số 05 | Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón |
| Mẫu số 06 | Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón |
| Mẫu số 07 | Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón |
| Mẫu số 08 | Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón |
| Mẫu số 09 | Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón |
| Mẫu số 10 | Bản thuyết minh về điều kiện buôn bán phân bón |
| Mẫu số 11 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón |
| Mẫu số 12 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón |
| Mẫu số 13 | Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất phân bón hoặc buôn bán phân bón |
| Mẫu số 14 | Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón |
| Mẫu số 15 | Tờ khai kỹ thuật |
| Mẫu số 16 | Giấy phép nhập khẩu phân bón |
| Mẫu số 17 | Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu |
| Mẫu số 18 | Biên bản lấy mẫu kiểm tra nhà nước chất lượng phân bón nhập khẩu |
| Mẫu số 19 | Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu |
| Mẫu số 20 | Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**    Số:………………. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……., ngày……tháng…..năm ……..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/GIA HẠN**

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN PHÂN BÓN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:……………………………..(1)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.................................................................................

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: ............................................................................

Mã số doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân/Giấy chứng nhận đầu tư: .......................

.........................................................................................................................

Điện thoại:………….………Fax:…………………E-mail:..

**ĐỀ NGHỊ**

***☐ Cấp***

Trường hợp cấp

☐ Phân bón được nghiên cứu hoặc tạo ra trong nước;

☐ Phân bón được nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam;

☐Phân bón đã được công nhận lưu hành đăng ký thay đổi chỉ tiêu chất lượng;

☐***Cấp lại***

Trường hợp cấp lại

☐Thay đổi thông tin tổ chức, cá nhân có phân bón đã được công nhận lưu hành; mất, hư hỏng Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;

☐ Chuyển nhượng tên phân bón;

☐ Thay đổi tên phân bón, tên chỉ tiêu chất lượng đã được công nhận lưu hành.

☐***Gia hạn (***Phân bón hết thời gian lưu hành)

Nội dung đăng ký lại (nếu có): ...............................................................................

Tên phân bón: .........................................................................................................

Dạng phân bón:........................................................................................................

Chỉ tiêu chất lượng:.................................................................................................

Tên nhà sản xuất:.....................................................................................................

Địa chỉ nơi sản xuất:..........................................................................................

Tài liệu kèm theo...............................................................................................

1

2

3

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 02**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……… /BC- | | | **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
|  | | | *……, ngày ….. tháng….. năm …..* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

**VÀ SỬ DỤNG PHÂN BÓN**

Kính gửi: ................................................................

**I.** **THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Tên tổ chức, cá nhân: …….

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam:

Mã số doanh nghiệp/số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Điện thoại:…………………....Fax: ……………………E-mail:…………

**II. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phân bón(1)** | **Tên phân bón** | | **Mã số phân bón(2)** | **Dạng phân bón** | **Phương thức sử dụng** | **Khối lượng (Tấn hoặc 1.000 lít)(3)** | **Địa điểm sản xuất/đóng gói/nước XNK** |  |
| **1. Sản xuất phân bón** | | | | | | | | | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Đóng gói phân bón** | | | | | | | | | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Xuất khẩu phân bón** | | | | | | | | | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| **4. Nhập khẩu phân bón** | | | | | | | | | |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

(1): *Loại phân bón ghi theo tên loại phân bón có trong Quyết định công nhận lưu hành hoặc trong Giấy phép sản xuất;*

(2): *Mã số phân bón ghi theo Quyết định công nhận lưu hành nếu có*;

(3): *Khối lượng ghi theo sản lương sản xuất thực tế trong năm;*

**III. CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG PHÂN BÓN**

**1. Hiệu quả sử dụng phân bón**

a) Liều lượng, phương thức sử dụng theo loại đất, cây trồng, vùng trồng:…………….

b) Hiệu quả kinh tế, hiệu quả nông học, hiệu quả về môi trường (tác dụng làm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, cải tạo đất, tăng các bon trong đất, …):……………..

**2. Chất lượng phân bón**

a) Thông báo tiếp nhận hợp quy đã được cấp:…………………………………………

b) Kết quả đánh giá, kết luận của các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý qua các đợt thanh tra, kiểm tra (nếu có):………………………………………………………..

b) Số lần vi phạm chất lượng (nếu có):……………………………………………

**IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN LƯU HÀNH**

**1. Nội dung không thay đổi:**…………………………………………………………

**2. Nội dung thay đổi**

a) Về hướng dẫn sử dụng:

- Căn cứ khoa học, thực tiễn làm cơ sở đề nghị thay đổi:………………………………

- Liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng theo từng đối tượng cây trồng, đất đai đề nghị thay đổi……………………………………………………………………………..

b) Nội dung khác (nếu có):……………………………………………………………..

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **(1)** Số:.............../QĐ-........ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** .........*, ngày* ......... *tháng* ......... *năm* ......... |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**



(2)

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày ....... tháng ....... năm 2019của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Xét đề nghị của …………..(tên đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam*(Danh sách kèm theo)*của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…... tháng …..năm….đến ngày……tháng……năm……

**Điều 3.**Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  ~~- .....................~~  - Lưu: ~~VT,~~ (1). | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN***(Ký tên, đóng dấu)* |

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA........**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ............ngày ... tháng ... năm ...... của (1))*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phân bón** | **Tên phân bón** | **Mã số phân bón** | **Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng** | **Phương thức sử dụng, dạng phân bón** | **Hướng dẫn**  **sử dụng** | **Thời hạn sử dụng** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**    Số: ....................... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *……., ngày……tháng…..năm ……..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC**

**KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

Kính gửi: .....................................................(1)

1. Tên tổ chức đề nghị công nhận:................................................................

2. Địa chỉ: .....................................................................................................

Điện thoại:.........................Fax:...................... E-mail: .................................

3. Quyết định thành lập(nếu có), Giấy đăng ký doanh nghiệp, Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn số........../.....

Cơ quan cấp: ....................................cấp ngày ………….......….tại............

**Đề nghị quý cơ quan**

**CÔNG NHẬN LÀ TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

4. Hồ sơ kèm theo:

.......................................................................................................................

.......................................................................................................................

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)



1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 05**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



*..........., ngày ........tháng .......năm.....*

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN**

**THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN**

Kính gửi:................................................ (1)

1. Tên tổ chức:........................................................................................................

Địa chỉ:...................................................................................................................

Điện thoại:..........................Fax: .....................E-mail:..........................................

2. Nguồn nhân lực (người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, người trực tiếp thực hiện khảo nghiệm, cán bộ kỹ thuật)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Chức vụ** | **Bộ phận công tác** | **Chuyên môn được đào tạo** | **Viên chức/Loại hợp đồng lao động đã ký** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú*:**Nộp kèm theo bản sao hợp lệ quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động,văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm phân bón và bản tóm tắt quá trình công tác người trực tiếp thực hiện khảo nghiệm và người phụ trách khảo nghiệm)

3. Cơ sở vật chất được quy định tại TCVN về khảo nghiệm

a) Địa điểm thực hiện khảo nghiệm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Địa điểm khảo nghiệm (kê khai cụ thể địa chỉ) | Loại đất | Diện tích | Loại cây trồng dự kiến khảo nghiệm | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Nộp kèm theo các giấy tờ chứng minh các nội dung kê khai.*

b) Kê khai diện tích phòng hoặc khu vực để xử lý và lưu mẫu: .............................

c) Tên, số lượng trang thiết bị, phần mềm phân tích thống kê để xử lý số liệu, kết quả khảo nghiệm:......................................................................................

d) Trang thiết bị của phòng thử nghiệm (nếu có): .......................................

Trường hợp không có phòng thử nghiệm phải cung cấp hợp đồng ký kết với phòng thử nghiệm được chỉ định.

đ) Trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Mục đích sử dụng** | **Ghi chú** |
| I | Thiết bị đo lường |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| II | Vật dụng để thiết kế, triển khai thí nghiệm |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| III | Trang thiết bị bảo hộ lao động |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

4. Kết quả hoạt động khảo nghiệm phân bón (nếu có): Các khảo nghiệm, kết quả nghiên cứu của tổ chức đăng ký thực hiện khảo nghiệm phân bón đã thực hiện.

5. Cam kết của tổ chức đăng ký khảo nghiệm phân bón:

- Thực hiện các quy định về công nhận tổ chức khảo nghiệm.

- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành đánh giá công nhận tổ chức khảo nghiệm./.

|  |
| --- |
| **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  *(Ký tên, đóng dấu)* |



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **…………………….(1)**  Số:…………/QĐ-……. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày …….tháng…..năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón**

**……..................…(2)**

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số …/2019/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số ……..quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ……….(1);

Theo đề nghị của …………..(tên đơn vị thuộc cơ quan đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận khảo nghiệm phân bón),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận .......................(3) thuộc …….(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ ……..là tổ chức khảo nghiệm phân bón.

**Điều 2.** .......................(3)có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về khảo nghiệm phân bón tại Việt Nam.

1. Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về khảo nghiệm phân bón tại Việt Nam và hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật

2. Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động khảo nghiệm phân bón trong suốt thời gian hoạt động.

3. Thông báo ngay về Cục Bảo vệ thực vật các thay đổi liên quan đến năng lực hoạt động khảo nghiệm của đơn vị hoặc các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến chất lượng khảo nghiệm phân bón

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Lưu: VT, ….(1).  (1) Tên cơ quan có thẩm quyền  (2) Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền  (3)Tên tổ chức khảo nghiệm phân bón | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 07**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*……., ngày……tháng…..năm ……..*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi: ...................................................................(1)

1. Đơn vị chủ quản:................................................................................................

Địa chỉ: ....................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:............ngày ............... Nơi cấp............

Điện thoại: ................... Fax:....................E-mail: ..........................................

2. Tên cơ sở : ................................................................................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:..........ngày..............Nơi cấp.......................

Điện thoại: ................... Fax:....................E-mail: ..........................................

Địa điểm sản xuất phân bón:...........................................................................

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón:.................................................................

***Đề nghịquý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón***

**Loại hình sản xuất:**

☐Sản xuất tạo ra phân bón

☐Đóng gói phân bón thành phẩm

**Hình thức cấp:**

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại. (lần thứ: ....)

Lý do cấp lại....................................................................................................

**Hồ sơ gửi kèm:**

.........................................................................................................................

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 08**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *......, ngày ...... tháng ....... năm ......* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi: ................................................(1)

1. Tên cơ sở:................................................................................................

Địa chỉ: ..................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:.............ngày .............Nơi cấp................

Tên chủ cơ sở/người đại diện theo pháp luật:…………………………………..

Điện thoại:.......................... Fax:........................E-mail: .......................................

Số chứng minh nhân dân số: *...............*Ngày cấp: *...............* Nơi cấp: *..................*

2. Tên đơn vị chủ quản: (nếu có)............................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................

Điện thoại:............................ Fax:........................E-mail: .......................................

3. Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón: (nếu có).......................................................

***Đề nghịquý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón***

☐ Cấp ☐ Cấp lại(lần thứ:….)

Lý do cấp lại.............................................................................................................

**Hồ sơ gửi kèm:**

..........................................................................................................................................

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TÔ CHỨC, CÁ NHÂN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 09**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *......, ngày ...... tháng ....... năm ......* |

**BẢN THUYẾT MINH**

**VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi: ...............................................................

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

|  |
| --- |
| 1. Đơn vị chủ quản:  Tên tiếng Việt: ..........................................................................................................  Tên tiếng nước ngoài (nếu có): ................................................................................  Tên viết tắt (nếu có): ................................................................................................ |
| Địa chỉ: .....................................................................................................................  Điện thoại:................................................ Fax:.........................................................  E-mail:..............................................Website:...........................................................  2. Tên tổ chức, cá nhân:......................................................................................  Địa chỉ:......................................................................................................................  Điện thoại:..............................................Fax:...........................................................  E-mail:..................................................Website:......................................................  3. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:  Họ và tên: .................................................................................................................  Chức danh: ............................................................................................................... |
| Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số: ………………….……………………..  Ngày cấp: / / Nơi cấp: …………………………..…...…………………  Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …………………………………………………  Chỗ ở hiện tại:.........................................................................................................  Điện thoại: .......................................Fax:................... E-mail: ............................... |
| 4. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:  Họ và tên: ................................................................................................................  Chức danh: ..............................................................................................................  Điện thoại: .......................................Fax:................... E-mail: ............................... |
| 5. Loại hình hoạt động:   |  |  | | --- | --- | | - DN nhà nước ☐  - DN liên doanh với nước ngoài☐  - DN tư nhân ☐ | - DN 100% vốn nước ngoài ☐  - DN cổ phần ☐  -Khác: *...........................................* |   6. Mục đích sản xuất phân bón:  Bán trong nước ☐Xuất khẩu ☐  Khác☐ Nêu cụ thể .................................................................................................  7. Công suất thiết kế: ...............................................................................................  **II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT**  1. Nhà xưởng:  - Sơ đồ tổng thể *(bản vẽ kèm theo)*  - Diện tích nhà xưởng (m2): ....................................................................................  + Khu vực sản xuất(m2): .........................................................................................  + Khu vực kho(m2): ................................................................................................  *\* Trường hợp có nhiều địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại.*  2. Thống kê dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón, gồm các thông tin: Tên máy, thiết bị, công suất thiết kế, công nghệ, nguồn gốc.  3. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất: ............................................................... |

4. Tổng số lao động sản xuất phân bón: ..................................................................

5. Danh mục phân bón sản xuất (thống kê từng địa điểm sản xuất phân bón):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phân bón** | **Dạng phân bón** | **Công suất (tương ứng với mỗi dạng phân bón)** | **Phương thức sử dụng** |
|  |  |  |  |  |

6. Phòng thử nghiệm

☐ Có (tiếp tục khai báo mục a)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, bổ sung các thông tin sau

- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

☐ Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận ......................................................

☐Cơ sở tự áp dụng

- Thiết bị thử nghiệm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|  |  |  |  |  |  |

- Chỉ tiêu thử nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Phương pháp** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |

*(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- Nhân lực

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nam/Nữ** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Chức vụ, chức danh** | **Khóa đào tạo đã tham gia** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

*b) Nếu không có, cung cấp tênphòng thử nghiệmvàhợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm*.......................................................................................

7. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương

☐ Bản sao chụp kèm theo

☐ Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận ......................................................

☐ Cơ sở tự áp dụng

8. Những thông tin khác:.....................................................................................

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 10**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

*......, ngày ...... tháng ....... năm ......*

**BẢN THUYẾT MINH**

**VỀ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi: .....................................................(1)

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

1. Đơn vị chủ quản: ..........................................................................................................

Địa chỉ: .............................................................................................................................

Điện thoại: ................................Fax:.......................E-mail: .............................................

2. Tên tổ chức, cá nhân: ....................................................................................................

Địa chỉ: .............................................................................................................................

Điện thoại: .........................Fax:..............................E-mail: .............................................

3. Loại hình hoạt động: (doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể) ..........................................

4. Năm bắt đầu hoạt động:.................................................................................................

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:......................

**II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BUÔN BÁN**

1. Cửa hàng (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng: ………….m2

- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa phân bón: ….……. m2  hoặc .............. tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:.............

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó bao gồm các thông tin:

-Họ tên, ngày tháng năm sinh; loại văn bằng, giấy chứng nhận (ngày cấp, thời hạn hiệu lực, tên cơ quan cấp, tên người được cấp).

- Những thông tin khác. ....................................................................................................

3. Nơi chứa phân bón:

☐ Có (tiếp tục khai báo mục a)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa phân bón: Từ 5.000 tấn trở lên ☐ Dưới 5.000 tấn ☐

Kích thước kho: ..............................................................................................................

Thông tin về nơi chứa phân bón:.......................................................................................

Tên người đại diện: ..........................................................................................................

Địa chỉ: ............................................................................................................................

Điện thoại: ........................................................................................................................

b) Nếu không có kho riêng: nêu tên những đơn vị mà tổ chức, cá nhân có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):............................................................................

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký tên, đóng dấu - nếu có)*



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 11**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận**   1. Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận. 4. Không được sản xuất ngoài địa điểm sản xuất đã được quy định. 5. Báo cáo .................(1)khi có sự thay đổi điều kiện sản xuất của đơn vị được cấp phép (Đăng ký kinh doanh, mã số thuế, địa điểm sản xuất, quy mô…). 6. Báo cáo .................. (1) khi chấm dứt hoạt động sản xuất phân bón hoặc đóng gói phân bón hoặc khi bị mất, hư hỏng Giấy chứng nhận. |  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  **SẢN XUẤT PHÂN BÓN**  Số: ............../GCN-............................  Ngày ...... tháng .........năm....... |
| |  |  | | --- | --- | | TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  ………………………(1) | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /GCN-BVTV | *………, ngày … tháng … năm …* |   **GIẤY CHỨNG NHẬN**  **Đủ điều kiện sản xuất phân bón** **....................................................................(2)****...................................................................(6)** Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;  Căn cứ Nghị định số ......../2019/NĐ-CP ngày ........ tháng ........ năm 2019 của Chính phủ về quản lý phân bón;  Căn cứ Quyết định số ........ ngày ........ tháng ........ năm ........ của ........ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ..................(1);  Theo đề nghị của ..........................(*đơn vị được giao thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón*), **CHỨNG NHẬN:** **Điều 1.** Chứng nhận........(3)được sản xuất phân bón quy định tại Điều 2 theo hình thức:  ☐Sản xuất phân bón (bao gồm cả đóng gói)  ☐Đóng gói phân bón  1. Địa chỉ trụ sở chính: …………….......................................…………………………………………………………...  2. Điện thoại:……….......................…… Fax:………………...............… Email: ……........…………………………..  3. Địa chỉ sản xuất phân bón: ………………………….................................…................................................  4. Mã số doanh nghiệp:…………............................................………………………………………………………...  5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình số ….............................................................................do ….....................................................................cấp ngày … ...tháng … năm .....  6. Tổng công suất:  Phân bón vô cơ: ……………...................................…………………………………………………...........................………...  Phânbón hữu cơ: …………….......................................……………………………………….......................………………...  Phânbón sinh học: …………….......................................…………………………………….......................……………... |  |  | **Điều 2. Danh mục phân bón sản xuất:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Loại phân bón** | **Dạng phân bón** | **Phương thức sử dụng** | **Ghi chú** | |  |  |  |  |  |   **Điều 3.** ............................(3) phải thực hiện đúng các quy định tạiLuật Trồng trọt và Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ về quản lý phân bón.  **Điều 4**. Giấy chứng nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...... tháng....... năm........ đến ngày ...... tháng........ năm........  Giấy chứng nhận này hủy bỏ và thay thế Giấy chứng nhận/Giấy phép sản xuất phân bón số .....ngày ..... tháng ..... năm..... của (2). (4)   |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận****:*  - Như Điều 3 (5);  - Lưu: VT, ... | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |     (1) Tên cơ quan có thẩm quyền  (2) Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền  (3) Tên tổ chức, cá nhân  (4) Chỉ sử dụng đối với việc cấp lại  (5) Chỉ gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhânđược cấp phép  (6) Cấp lại lần thứ ….. (nếu có) |

**Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **…………………(1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Số:……………./GCN-BBP

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax*: ........................................................*

Chủ cơ sở: *..............................................................................................................*

Số chứng minh nhân dân số: *...............*Ngày cấp: *...............* Nơi cấp: *..................*

Tên đơn vị chủ quản:..........................................................................................(2)

Điện thoại: *.......................................................*Fax*: ..............................................*

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Ghi khi cơ sở có đơn vị chủ quản

**Mẫu số 13**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **…………………(1)**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
|  |  |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Điều kiện sản xuất phân bón hoặc buôn bán phân bón**

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số…ngày…tháng...năm…của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số……ngày…..của...…..(1) về việc thành lập đoàn kiểm tra.

Hôm nay, ngày..... tháng.... năm ….tại …………...……………………

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

Đại diện đoàn kiểm tra:

1. Ông/Bà: ,Chức vụ :

2. Ông/Bà: .., Chức vụ : .

Đại diện cơ sở sản xuấthoặc buôn bán phân bón:

1. Ông/Bà: , Chức vụ :

2. Ông/Bà: , Chức vụ :

**I. NỘI DUNG KIỂM TRA**

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA**

(ghi cụ thể nội dung đánh giá từng điều kiện theo quy định của pháp luật)

**III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

**IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

**V. Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi ...h....ngày..... tháng.... năm.........

Biên bản đãđược đọc cho đoàn kiểm tra, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**  *(Ký tên)* |



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Mẫu số 14**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  


**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN**

Kính gửi: …..................................................................

1. Tên, địa chỉ, điện thoại, Fax của tổ chức, cánhân đăng ký nhập khẩu:........................

2. Tên phân bón:...................................................................................................

3. Số lượng nhập khẩu:........................................................................................

4. Nhà sản xuất và nước xuất khẩu phân bón: .

5. Mục đích nhập khẩu

☐Phân bón để khảo nghiệm

☐Phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí

☐Phân bón sử dụng trong dự ánnước ngoài tại Việt Nam

☐Phân bón làm quà tặng, làm hàng mẫu

☐Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm

☐Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học

☐Phân bón làm nguyên liệu sản xuất phân bón khác

☐Phân bón tạm nhập, tái xuất hoặc phân bón quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam; phân bón gửi kho ngoại quan; phân bón nhập khẩu vào khu chế xuất

6. Thời gian nhập khẩu:.............................................................................................

7. Cửa khẩu nhập khẩu:............................................................................................

8. Các tài liệu nộp kèm theo:...................................................................................

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến phân bón nhập khẩu.

Khi cần liên hệ theo địa chỉ: …, điện thoại: …, Fax: …., E-mail:….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *...........,ngày.....tháng.......năm….* **Tổ chức, cá nhân ~~xin~~ đăng ký** (Ký tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 15**

**TỜ KHAI KỸ THUẬT**

1. Tên phân bón:....................................................................................................

Tên khác(nếu có):.............................................................................................................

2. Nước sản xuất:................................................................................................

3. Loại phân bón

Phân bón vô cơ ⬜

Phân bón hữu cơ ⬜

Phân bón sinh học ⬜

Loại khác (ghi rõ loại): ..................

5. Phương thức sử dụng:

Phân bón rễ ⬜

Phân bón lá ⬜

6. Dạng phân bón:

Dạng rắn: viên ⬜; bột ⬜; hạt ⬜; mảnh/miểng ⬜; khác (ghi rõ):.............................................

Dạng lỏng ⬜; khác (ghi rõ):...........................................................

7. Màu sắc: ...........................

8. Bao bì, ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích .............……………………

9. Chỉ tiêu chất lượng đăng ký trên bao bì

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu chất lượng | Đơn vị tính | Hàm lượng đăng ký trên bao bì, nhãn |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

10. Các yếu tố hạn chế trong phân bón (theo quy định tại chuẩn kỹ thuật) nếu có)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các yếu tố | Đơn vị tính | Hàm lượng |
| 1 | Asen |  |  |
| 2 | Cadimi |  |  |
| 3 | Chì |  |  |
| 4 | Thuỷ ngân |  |  |
| 5 | Biuret |  |  |
| 6 | Axit tự do |  |  |
| 7 | *Salmonella* |  |  |
| 8 | *E. coli* |  |  |
| 9 | Các yếu tố khác theo quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật |  |  |

11. Hướng dẫn sử dụng:

- Cây trồng sử dụng:............................................................................................................

- Liều lượng sử dụng/đơn vị diện tích, ghi rõ cho từng loại cây trồng:..............................

- Diện tích sử dụng, ghi rõ cho từng loại cây trồng:...........................................................

- Thời kỳ bón:.....................................................................................................................

- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng:..........................................................................

12. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khoẻ, môi trường:……………………..

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức, cá nhân xin đăng ký** (Ký tên, đóng dấu) |

**Ghi chú:** Mục 11 của tờ khai này chỉ khai trong trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại điểm a, b, c, ekhoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt.

**Mẫu số 16**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **.....................................(1)**    Số: ………. /GPNK- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *……….., ngày…… tháng….. năm ……* |

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU PHÂN BÓN**

Kính gửi:………….………………………. (2)

Xét đơn đăng ký nhập khẩu phân bón ngày…..tháng ….năm....của…… (2), địa chỉ………… về việc nhập khẩu phân bón ……….(1) có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để ……......(2) được nhập khẩu phân bón sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phân bón** | **Tên phân bón** | **Thành phần,**  **hàm lượng** | | **Khối lượng** | **Nhà sản xuất, nước xuất khẩu** |
| **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu chất lượng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  | | | | |

2. Mục đích nhập khẩu: …………………………………………………

3. Cửa khẩu nhập khẩu:………………………………………………….

4. Các loại phân bón có tên trên chỉ được sử dụng đúng mục đích nêu tại mục 2 của giấy phép này.

5. Việc nhập khẩu phải thực hiện đúng theo quy định tại Luật Trồng trọt và Nghị định số ...../2019/NĐ-CP ngày.....tháng......năm.....của Chính phủ về quản lý phân bón.

6. ……………….(2) có trách nhiệm báo cáo kết quả nhập khẩu loại phân bónvề ………….(1) sau khi nhập khẩu.

8. Thời hạn của Giấy phép là 01 năm kể từ ngày cấp Giấy phép nhận khẩu./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN** |
| - Như trên;  - Hải quan cửa khẩu nhập khẩu;  - Lưu: VT,… | *(Ký tên, đóng dấu)* |



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu

**Mẫu số 17**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**

**CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU**

(*Có giá trị đến ngày ...... tháng .......năm ......*)

**Kính gửi**: (1)

Địa chỉ:……………………………………………………………………………......................

Điện thoại:……………………………………. Fax:…………………………………………..

**Tổ chức, cá nhân**:........................................................................................................................

Địa chỉ:..........................................................................................................................................

Điện thoại:............................................................Fax:..................................................................

**Đăng ký kiểm tra chất lượng phân bón sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HÀNG** | **MÃ SỐ** | **XUẤT XỨ** | **LƯỢNG HÀNG** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

Đăng ký kiểm tra lô hàng nói trên tại địa điểm (địa điểm, sơ đồ kho lưu chứa phân bón để kiểm tra):

…………………………………………………………………………………………………………..

**Hồ sơ kèm theo gồm có:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Hợp đồng số:…………………………  - Hóa đơn số:…………………………..  - Vận đơn số:………………………….  - Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số:……….. | - Giấy CNCL/ATVS số:……………………..  - Giấy chứng nhận xuất xứ:………….............  - Giấy phép nhập khẩu (đối với loại phân bón yêu cầu giấy phép):……… |

**Chúng tôi xin cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật:**

1. Giữ nguyên trạng hàng hóa tại địa điểm đăng ký trên và xuất trình hàng hóa cùng hồ sơ Hải quan để ……....(1) thực hiện việc kiểm tra chất lượng lô hàng này.

2. Chỉ đưa hàng hóa vào sản xuất, buôn bán, sử dụng khi được … (1) cấp thông báo chứng nhận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**  Vào sổ đăng ký số:  *........., ngày ....... tháng ....... năm .........*  *(Ký tên, đóng dấu)* | *........., ngày ....... tháng ....... năm .........*  **TỔ CHỨC NHẬP KHẨU**  **(Đại diện tổ chức )**  (*Ký tên, đóng dấu*) |

Tên cơ quan kiểm tra nhà nước

**Mẫu số 18**

|  |  |
| --- | --- |
| (Tên cơ quan chủ quản)  **CƠ QUAN KIỂM TRA...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số ….....

**BIÊN BẢN LẤY MẪU KIỂM TRA**

**CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU**

Theo giấy đăng ký kiểm tra:............................................Ngày ......./........./..................................

Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón..............................................................................................

Tên người đại diện tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón

Địa điểm lấy mẫu:..................................................................................................................................

Thời gian lấy mẫu:........................................................................................................................

Tên người lấy mẫu: ......................................................................................................................

1. Thông tin chi tiết về lấy mẫu:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phân bón** | **Loại phân bón** | **Khối lượng lô hàng**  **(kg)** | **Khối lượng mẫu lấy để kiểm tra (g,kg l)** | **Phương pháp lấy mẫu** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

2. Đặc điểm lô hàng:

Ký mã hiệu (nếu có):....................................Ngày sản xuất:............Hạn sử dụng:.....................................

Quy cách đóng gói:.....................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

Nhà sản xuất……………………………………….. Xuất xứ:…………………………………...

Tình trạng lô hàng:.............................................................................................................................

Mô tả mẫu lấy:…………………………………………………………………………………….

3. Các chỉ tiêu yêu cầu kiểm tra/thử nghiệm:................................................................................

Mẫu được lấy và niêm phong có sự chứng kiến của ông/bà …………….. đại diện ………(tên tổ chức/cá nhân có phân bón nhập khẩu)….

Mỗi mẫu được chia làm 03 đơn vị, 01 đơn vị đưa đi thử nghiệm, 01 đơn vị được lưu tại …(tên tổ chức/cá nhân có phân bón nhập khẩu)…., 01 đơn vị được lưu tại ………...(tên cơ quan kiểm tra nhà nước)

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện tổ chức, cá nhân**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người lấy mẫu**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 19**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN, LOGO TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**  Số:........... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    ….*, ngày…….tháng……. năm………* |

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**

**CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẢU**

**CERTIFICATE OF QUALITY CONTROL FOR IMPORT FERTILIZERS**

Tên hàng/*Name of goods*:………………………………………………………………………

Mã số hàng hóa/*Code of goods*:…………………………………………………………………

Ký/Nhãn hiệu hàng hóa/*Goods marking:*……………………………………………………….

Ngày sản xuất.........................................., Thời hạn sử dụng ......................................................

Số lượng, trọng lượng/ *Quantity/ volume:*………………………………………………………

Thuộc tờ khai hải quan số/ *Goods declaration number:*………………………………………...

ngày/*date:*………………………………………………………………………………………..

Đã làm thủ tục hải quan tại hải quan/*Customs office:*…………………………………………..

Hợp đồng số/*Contract number:*…………………………………………………………………

Phiếu đóng gói số/ *Packing list number:*………………………………………………………..

Hóa đơn số/ *Invoice number:*……………………………………………………………………

Vận đơn số/ *B.L number:*………………………………………………………………………..

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu/ *Importer*: ………………………………………………………..

Địa chỉ, số điện thoại/ *Address, phone number:*…………………………………………...........

Giấy đăng ký kiểm tra số/ *Registration number of quality control:*…………………………….

Ngày lấy mẫu kiểm tra/ *Date of control:*………………………………………………………..

Địa điểm lấy mẫu kiểm tra/ *Location of control:*……………………………………………….

Căn cứ kiểm tra/ *Specification for control:*……………………………………………………..

**KẾT QUẢ KIỂM TRA/CONTROL RESULT**

◻ Lô hàng đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu/ *the goods are found to be comformity with quality requirement for import.*

◻ Lô hàng không đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu (nêu cụ thể lý do không đạt kèm theo kết quả kiểm tra chi tiết…)/ *the goods are not found to be comformity with quality requirement for import.*

\* Hồ sơ kiểm tra được gửi kèm theo Thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận/sent to:***  - Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;  - Hải quan cửa khẩu;  - Lưu: Tổ chức đánh giá. | **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 20**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **................................(1)**    Số:................................ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**    *.............., ngày ..... tháng ...... năm ......* |

**GIẤY CHỨNG NHẬNLẤY MẪU PHÂN BÓN**

**................................**(1)

***Chứng nhận:***

Ông/Bà:.........................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh:..................................................................................

Nơi sinh:........................................................................................................

Địa chỉ:........................................................................................

Đã hoàn thành chương trình "***lấy mẫu phân bón"***

Thời gian từ ngày: ....................................đến ngày ...................

Tại ...............................................................................................

Giấy chứng nhận này có giá trị trên toàn quốc và không thời hạn.

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

*(Ký tên, đóng dấu)*



(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

**Phụ lục II**

**DÂY CHUYỀN, MÁY THIẾT BỊ SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-Cpngày tháng năm 2019*

*của Chính phủ)*



Dây chuyền, máy thiết bị sản xuất phân bón phải được cơ giới hóa và phải được lắp đặt theo hệ thống liên hoàn từ khâu nạp nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng đểbảo đảm được chất lượng loại phân bón sản xuất:

1. Đối với phân bón dạng phối trộn khô ~~(dạng bột, dạng hạt)~~phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng;có hệ thống nạp liệu (có phễu nạp liệu hoặc sàn nạp liệu), có máy nghiền, có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói thành phẩm; đối với phân bón dạng hạt, dạng viên được tạo hạt, viên từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên, hạtphải có máy, thiết bị tạo hạt, ép viên.

2. Đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 12% trong dây chuyền sản xuất phải có máy, thiết bị sấy.Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm.

3. Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng;có hệ thống nạp liệu (có phễu nạp liệu hoặc sàn nạp liệu), có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói thànhphẩm.

4. Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường.Phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường.

5. Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón vi sinh vật, phải có các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ấm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men.

6. Trường hợp tự nhân sinh khối vi sinh vật từ chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón vi sinh vật phải có các thiết bị tạo môi trường và nhân sinh khối vi sinh vật gồm: thiết bị lên men, thùng/bể chứa để nhân sinh khối, thiết bị phun hoặc rải vi sinh vật vào phân bón.

7. Trường hợp tự lên menđể sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh họcphải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng.

**Phụ lục III**

**DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH, THÔNG TƯ BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP*

*Ngày tháng năm 2019 của Chính phủ)*



1. Quyết định số 219/1998/QĐ/BNN/KHCNngày 30 tháng 12 năm 1998của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung 128 loại phân bón vào “Danh mục các loại phân bón được sử dụng và lưu thông ở Việt Nam”.

2. Quyết định số 74/2001/QĐ-BNNngày 10 tháng 07 năm 2001 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bổ sung 09 loại phân bón vào “Danh mục các loại phân bón được sử dụng và lưu thông ở Việt Nam”.

3. Quyết định số 68/2003/QĐ-BNNngày 16 tháng 06 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục phân bón phải công bố tiêu chuẩn chất lượng.

4. Quyết định số 94/2006/QĐ-BNN ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Danh mục phân bón phải áp dụng tiêu chuẩn ngành”.

5. Quyết định số 119/2006/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Danh mục phân bón phải chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ngành”.

6. Quyết định số 10/2007/QĐ-BNNngày 06  tháng 2 năm 2007của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”.

7.Quyết định số 59/2008/QĐ-BNN*ngày 9 tháng 5 năm 2008* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”.

8. Quyết định số 105/2008/QĐ-BNN *ngày 22 tháng 10 năm 2008* của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”.

9. Thông tư số17/2009/TT-BNNngày 27 tháng 3 năm 2009của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

10. Thông tư số 43/2009/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 7 năm 2009 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

11. Thông tư số 62/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2009 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

12.Thông tư số 85/2009/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

13. Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 6 năm 2010 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

14. Thông tư số 49/2010/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 8 năm 2010 của của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung Giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

15. Khoản 3, 4 Điều 1 Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNTngày 05 tháng 11 năm 2010của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng và Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

16. Khoản 2, 3 Điều 1 Thông tư số 70/2010/TT-BNNPTNTngày 08 tháng 12 năm 2010của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

17. Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNTngày 15 tháng 4 năm 2011của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

18. Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNTngày 06 tháng 6 năm 2011của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

19. Thông tư số 59/2011/TT-BNNPTNTngày 30 tháng 8 năm 2011của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

20. Thông tư số 86/2011/TT-BNNPTNTngày 16 tháng 12 năm 2011của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

21. Thông tư số 13/2012/TT-BNNPTNTngày 19 tháng 3 năm 2012của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

22. Thông tư số 31/2012/TT-BNNPTNTngày 20 tháng 7 năm 2012của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

23. Thông tư số 45/2012/TT-BNNPTNTngày 12 tháng 9 năm 2012của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

24. Thông tư số 64/2012/TT-BNNPTNTngày 24 tháng 12 năm 2012của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

25. Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNTngày 09 tháng 08 năm 2013của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.

26. Thông tư số 19/2014/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.